

Số: 15 /QĐ-THCS

Thủy An, ngày 25 tháng 01 năm 2021

### **THÔNG BÁO**

#### **Về việc công bố công khai dự toán ngân sách đầu năm 2021 của trường THCS Thủy An**

Căn cứ vào Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số: 182/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc dự toán thu chi ngân sách năm 2021";

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của trường THCS Thủy An *(theo các biểu chi tiết đính kèm)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đào Thị Lan**

**Đơn vị: Trường THCS Thủy An**  
**Chương: 622 Loại 070 Khoản 073**

### DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 15 /QĐ- THCS ngày 25/01 /2021 của trường THCS Thủy An)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

| Số TT | Nội dung                                       | Dự toán được giao    |
|-------|------------------------------------------------|----------------------|
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |                      |
| 01    | Số thu phí, lệ phí                             |                      |
| 1.1   | Lệ phí                                         |                      |
| 1.2   | Phí                                            |                      |
| 02    | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                      |
| 2.1   | Chi sự nghiệp .....                            |                      |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                      |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                      |
| 2.2   | Chi quản lý hành chính                         |                      |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                      |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                      |
| 03    | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                      |
| 3.1   | Lệ phí                                         |                      |
| 3.2   | Phí                                            |                      |
| II    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | <b>2.324.000.000</b> |
| 01    | Chi quản lý hành chính                         |                      |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                      |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                      |
| 02    | Nghiên cứu khoa học                            |                      |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                      |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                      |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                      |
| 03    | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề      | <b>2.324.000.000</b> |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 2.324.000.000        |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                      |
| 04    | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình         |                      |